ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 247/BC-UBND	*Hướng Hóa, ngày 15 tháng 6 năm 2020*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020

BCĐ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2016-2020
VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI
ĐẾN Số: 395
Ngày: 18/6/2020
Chuyển: Đ/c Oanh
Lưu hồ sơ số:

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- UBND huyện đã thành lập BCĐ các chương trình MTQG huyện Hướng Hóa trên cơ sở sáp nhập BCĐ chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và BCĐ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 12/3/2020 của UBND huyện.

- UBND huyện ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ các cơ quan đơn vị phụ trách thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 tại Quyết định 574/QĐ-UBND ngày 31/3/2020.

- Phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh làm việc với UBND xã Tân Hợp - xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2020 để tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu.

- Phối hợp với UBND các xã: Hướng Lập, Hướng Phùng, Ba Tầng, A Dơi, Thanh rà soát hiện trạng nông thôn mới của 37 thôn, bản theo Quyết định 3040/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh Quảng Trị.

- Tổ chức rà soát, kiểm tra việc thực hiện 19 tiêu chí tại các xã chưa đạt chuẩn, xây dựng lộ trình, kế hoạch để nâng cao tiêu chí của các xã vào cuối năm 2020, để đạt theo kế hoạch đề ra.

- Ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020 tại Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 11/3/2020 của UBND huyện.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới

2.1. Kết quả thực hiện các nội dung về chương trình

- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Công tác kiểm tra, rà soát quy hoạch của xã luôn được thực hiện thường xuyên để điều chỉnh để phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

Bằng nguồn vốn chủ lực từ 02 chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững, đã tập trung xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn ngày càng khang trang hơn, đáp ứng nhu cầu sản xuất đời sống cho người dân ở khu vực nông thôn.

- Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Tiếp tục triển khai các Đề án đã được thực hiện trong những năm qua đó là: Đề án Tái canh cây cà phê thực hiện tại các xã Hướng Phùng, Hướng Tân, Tân Liên, Tân với diện tích hỗ trợ theo kế hoạch 54 ha. Đề án chuyển đổi diện tích trồng sắn kém hiệu quả sang trồng cây cao su tại các xã Lìa, A Dơi, với diện tích hỗ trợ theo kế hoạch năm 2020 là 42 ha.

- Mô hình phát triển một số cây trồng tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn huyện như mô hình chăm sóc cây hồ tiêu tại Tân Liên và Thị trấn Khe Sanh, mô hình trồng cây dược liệu tại xã Tân Hợp, tổng nguồn ngân sách phân bổ 200 triệu đồng.

- Mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương gồm mô hình chăn nuôi bò bán thâm canh, mô hình nuôi hươu lấy nhung, mô hình trồng chuối tiêu hồng nuôi cấy mô với tổng nguồn vốn 715 triệu đồng.

- Chương trình mỗi xã một sản phẩm ngân sách phân bổ 300 triệu, tiếp tục thuê đơn vị tư vấn hỗ trợ các chủ thể hoàn thiện hồ sơ tham gia thi đánh giá xếp hạng sản phẩm, dự kiến có 3-5 sản phẩm đủ điều kiện tham gia thi xếp hạng.

- Mô hình PTSX thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tại các xã với tổng nguồn vốn trung ương phân bổ là 4.800 triệu đồng, xây dựng các mô hình phát triển sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Ngoài ra trên địa bàn huyện còn thực hiện một số dự án khác như liên kết với công ty Cổ phần Nafood Tây Bắc thực hiện trồng 15 ha chanh leo tại xã Hướng Phùng và Hướng Tân, trong đó trong đó Nhà nước hỗ trợ một phần cây giống, phân bón, vật tư khác (từ nguồn sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện chương trình nông thôn mới)...và công ty sẽ hợp đồng cung cấp cây giống đảm bảo chất lượng, hỗ trợ về khoa học kỹ thuật và đặc biệt là ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho bà con nông dân.

- Chính sách về dạy nghề, tạo việc làm cho người nghèo

Năm 2020 đã tổ chức thẩm định và phê duyệt 10 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, với 197 học viên đăng ký tham gia với tổng kinh phí 350 triệu đồng nhằm tạo cơ hội cho lao động thuộc hộ nghèo tìm được một công việc phù hợp với khả năng, năng lực của bản thân để có công ăn việc làm ổn định.

- Phát triển giáo dục ở nông thôn

Với Nguồn ngân sách phân bổ 1.500 triệu đồng, tổ chức mở lớp xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ đối với người dân trong nhóm từ 15-35 tuổi, tập huấn kỹ thuật xử lý hệ thống phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, mua tài liệu văn phòng phẩm phục vụ công tác xóa mù chữ và giáo dục sau khi biết chữ.

Quy mô trường lớp phát triển ổn định, học sinh đến trường đảm bảo. Tiếp tục duy trì kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, phổ cập giáo dục THCS (19/19 xã đạt), thực hiện phổ cập giáo dục bậc Trung học (2/19 xã đạt).

Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, nền nếp kỷ cương dạy và học được giữ vững, môi trường giáo dục thân thiện ngày càng phát huy tác dụng, học sinh tích cực, tự giác trong học tập và rèn luyện. Huy động học sinh trong độ tuổi đến trường được duy trì với tỷ lệ cao.

Thực hiện tốt việc rà soát, quy hoạch và sắp xếp bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hiện có.

- Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

Công tác khám chữa bệnh cho người dân và phòng chống dịch bệnh được thực hiện tốt. Tiếp tục duy trì công tác tiêm chủng thường xuyên các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng tại các xã. Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, tổ chức các đợt kiểm tra liên ngành, giám sát chuyên ngành.

- Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

Nguồn vốn phân bổ 210 triệu *(nguồn sự nghiệp ngân sách Trung ương)*, hỗ trợ trang thiết bị cho trung tâm văn hóa thể thao xã, thôn góp phần ngày càng hoàn thiện cơ sở vật chất văn hóa thể thao ở khu vực nông thôn.

- Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề

- Trên địa bàn hiện nay, hầu hết các xã đã thực hiện công tác quy hoạch nghĩa trang và quản lý nghĩa trang theo quy hoạch, trong đó các xã vùng bản nghĩa trang được quy hoạch theo phong tục tập quán lâu đời.

- Tình hình thành lập các tổ thu gom rác thải: Đối với các xã đường 9 (Tân Hợp, Tân Liên, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành) được Trung tâm Môi trường đô thị thu gom, đạt 96%. Còn các xã khác chưa có đội thu gom rác thải.

- Tình hình xử lý rác thải ở địa phương: Hiện nay trên địa bàn huyện chưa có bãi thu gom và xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh. Chất thải rắn được thu gom và xử lý theo phương pháp san ủi, chôn lấp đơn thuần.

- Tình hình thu gom tiêu thoát nước: Hiện nay một số xã trên địa bàn có hệ thống tiêu thoát nước nhưng tỷ lệ chưa cao.

- Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các lực lượng được tăng cường nhằm nắm chắc tình hình quốc phòng – an ninh trên địa bàn. Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn cơ bản ổn định, chú trọng chỉ đạo kiểm tra, kiểm soát, tăng cường công tác tấn công trấn áp tội phạm, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tập trung triển khai thực hiện tốt công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, các tệ nạn xã hội. Xây dựng Đề án và triển khai kế hoạch thực hiện nâng cao hiệu quả công tác phòng chống ma túy trên địa bàn huyện.

2.2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM

- Tổng số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới toàn huyện 6 tháng đầu năm 2020 là 225 tiêu chí, bình quân đạt 11,84/19 tiêu chí/xã, trong đó có 5 xã đạt chuẩn, 4 xã đạt từ 10-13 tiêu chí, 10 xã đạt từ 8-9 tiêu chí, không có xã dưới 8 tiêu chí và xã đạt từ 14-18 tiêu chí.

- Xã Tân Hợp là xã xây dựng nông thôn kiểu mẫu hiện nay đạt 11/12 tiêu chí, còn tiêu chí Trường học chưa đạt, theo kế hoạch xã Tân Hợp đạt nông thôn mới kiểu mẫu cuối năm 2020.

- Bộ tiêu chí của các xã thuộc Đề án 1385: có 37 thôn, bản thuộc 05 xã nằm trong Đề án 1385, hiện nay bình quân đạt 9,1 tiêu chí/thôn (trong tổng 17 tiêu chí)

- Số thôn đạt từ 15-17 tiêu chí: 0

- Số thôn đạt từ 10-14 tiêu chí: 13 thôn

- Số thôn đạt từ 5-9 tiêu chí: 24 thôn

- Số thôn đạt dưới 5 tiêu chí: 0

(Có phụ biểu kèm theo)

3. Kết quả huy động nguồn lực

- Tổng ngân sách huy động trong 6 tháng đầu năm: 112.588 triệu đồng,

Trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 86.455 triệu đồng
- Ngân sách tỉnh: 2.200 triệu đồng
- Vốn lồng ghép: 23.933 triệu đồng
- Cộng đồng dân cư: 3.971 triệu đồng

(Có phụ lục kèm theo)

- Tình hình giải ngân nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn sự nghiệp ngân sách tỉnh, trung ương:

Giải ngân đến thời điểm báo cáo (ngày 9/6/2020) là 14.939/88.655 triệu đồng, đạt 16,85%, *trong đó:*

+ Ngân sách trung ương (ĐTPT): giải ngân 14.909/80.850 triệu đồng, đạt 18,49%.

+ Ngân sách địa phương: Giải ngân 13/2.200 triệu đồng, đạt 0,59%

+ Nguồn sự nghiệp ngân sách Trung ương: Giải ngân 16/5.805 triệu đồng, đạt 0,28%

(Có phụ lục kèm theo)

4. Đánh giá kết quả thực hiện so với mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đã đề ra

So với mục tiêu Nghị quyết đề ra, các chỉ tiêu về nông thôn mới đều không đạt. Theo mục tiêu của Nghị quyết đến năm 2020, có ít nhất 9 xã đạt chuẩn nông thôn mới (hiện tại có 05 xã, đạt 55,55%), nhóm xã đạt từ 15-18 tiêu chí là 7 xã (hiện tại thì không có xã nào), xã đạt từ 10-14 tiêu chí là 4 xã (hiện nay có 04 xã, chỉ tiêu này đạt), và không có xã dưới 10 tiêu chí (hiện nay có 10 xã). Nguyên nhân không đạt theo Nghị quyết là do khi đặt ra mục tiêu của Nghị quyết đã căn cứ theo mục tiêu chung của Trung ương, tỉnh mà không tính đến sự khác biệt vùng miền trong cùng một tỉnh, mặt khác Bộ tiêu chí ban hành dùng chung cho tỉnh mà không có sự phân biệt giữa xã của huyện đồng bằng và miền núi, nên kết quả thực hiện không đạt được kết quả như mong muốn.

5. Khó khăn, tồn tại

Mặc dù được sự quan tâm của các cấp các ngành đối với phát triển kinh tế xã hội ở khu vực miền núi, tuy nhiên đời sống bà con nhân dân ở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới vẫn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức, thu nhập vẫn còn bấp bênh, thiếu ổn định, giá cả một số mặt hàng nông sản xuống thấp...nên sự đóng góp cho cho xây dựng nông thôn mới là không đáng kể, không có.

Đối với các xã nằm trong Đề án 1385 của Thủ tướng Chính phủ, để xây dựng thôn đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định 3040/QĐ-UBND của UBND tỉnh thực sự gặp rất nhiều khó khăn, thử thách. Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ phần lớn tập trung nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng như giao thông, ...các tiêu chí khác phải tự thân vận động, nỗ lực từ phía chính quyền và người dân như các tiêu chí về thu nhập, hộ nghèo, môi trường, y tế, giáo dục...để đạt theo kế hoạch của tỉnh rất khó thực hiện.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

1. Mục tiêu cụ thể

- Duy trì và nâng cao chất lượng của các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. (Tân Liên, Tân Long, Tân Lập, Tân Thành), trong đó Tân Hợp phấn đấu xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

- Xét, công nhận cho 8 thôn, bản thuộc Đề án 1385 đạt chuẩn nông thôn mới.

- Xét, công nhận cho 9 thôn đạt thôn kiểu mẫu thuộc 05 xã.

- Rà soát toàn diện 19/19 xã về kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới đến tận cơ sở và nhân dân bằng nhiều hình thức, trong đó chú trọng quán triệt Kết luận số 97-KL/TW ngày 15/5/2014 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 BCHTW Đảng khóa X về "nông nghiệp, nông dân và nông thôn"; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025. Tiếp tục thực hiện phong trào "Quảng Trị chung sức xây dựng nông thôn mới" rộng khắp trên địa bàn huyện, cả hệ thống chính trị vào cuộc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới. Tổ chức ngày toàn dân thực hiện chỉnh trang nông thôn tại các xã.

- Tiếp tục thực hiện chủ trưởng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị "Ngày thứ 7 tình nguyện xây dựng nông thôn mới"

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020. Lãnh đạo các ngành, các đoàn thể, Ban Chỉ đạo cấp xã, UBND xã xây dựng

chương trình hành động với nội dung, kế hoạch cụ thể, lộ trình hoàn thành các tiêu chí theo ngành mình, địa phương mình, theo từng năm và từng giai đoạn cụ thể. Coi đây là tiêu chuẩn bình xét thi đua của các ngành, đoàn thể và địa phương.

- Tập trung đầu tư nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án để thực hiện các tiêu chí như giao thông, thủy lợi, phát triển sản xuất và các tiêu chí còn thấp như giao thông, cơ sở vật chất văn hóa, môi trường, trường học.....Bên cạnh đó cần huy động nguồn lực, sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phối hợp chặt chẽ giữa đào tạo nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp và đào tạo nghề cho học sinh theo mục tiêu đào tạo nghề của chính phủ, gắn đào tạo nghề với chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Các phòng ban, ngành đoàn thể, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình tích cực chủ động tham gia giúp đỡ các địa phương thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đảm bảo kế hoạch đề ra.

- Tổ chức rà soát, đánh giá các tiêu chí NTM của các xã, các thôn theo Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 11/3/2020 của UBND huyện về thực hiện Chương trình Xây dựng Nông thôn mới năm 2020.

- Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn cấp xã tổ chức, thực hiện các nội dung nguồn vốn xây dựng nông thôn mới năm 2020 có hiệu quả./.

Trên đây là báo cáo kết quả Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020 trên địa bàn huyện Hướng Hóa./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Văn phong ĐPNTM tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Các PCT HĐND huyện;
- Các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã;
- Chánh, PVP, CV;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng trọng Vân

Biểu 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Kết quả huy động 6 tháng đầu năm 2020
	TỔNG SỐ	**132.629**	**112.588**
I	**Ngân sách Trung ương**	**86.455**	**86.455**
1	Trái phiếu chính phủ		
2	Đầu tư phát triển	80.650	80.650
3	Sự nghiệp	5.805	5.805
II	**Ngân sách địa phương**	**2.200**	**2.200**
1	Tỉnh	2.200	2.200
2	Huyện		
3	Xã		
III	**Vốn lồng ghép**	**40.003**	**23.933**
	CT MTQG Giảm nghèo bền vững	17.266	17.266
	XDCB tập trung	22.737	6.667
IV	**Vốn tín dụng**		
V	**Vốn doanh nghiệp**		
VI	**Cộng đồng dân cư**	**3.971**	**0**
1	Tiền mặt		
2	Ngày công và hiện vật quy đổi	3.971	0

Biểu 2

KẾT QUẢ GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn 2020	Giải ngân đến thời điểm báo cáo	Dự kiến giải ngân đến 30/6/2020
	TỔNG SỐ	**88.655**	**14.938**	**22.164**
I	**Đầu tư phát triển**	**82.850**	**14.922**	**20.713**
1	***Ngân sách Trung ương***	***80.650***	***14.909***	***20.163***
	QĐ số 3770/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	79.850	14.909	19.963
	QĐ số 671/QĐ-UBND ngày 12/3/2020	800	0	200
2	***Ngân sách địa phương***	***2.200***	***13***	***550***
II	**Sự nghiệp**	**5.805**	**16**	**1.451**
	Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	***5.090***	***16***	***1.273***
1	Hỗ trợ trang thiết bị cho các trung tâm văn hóa, thể thao xã (TB số 73 sở KH)	100	0	25
2	Hỗ trợ trang thiết bị cho các trung tâm văn hóa, thể thao thôn, bản (TB số 73 sở KH)	110	0	28
3	Xây dựng bồn và mua giống cây xanh trồng tại các tuyến đường (TB 89 sở KH)	330	0	83
4	Phát triển giáo dục ở nông thôn	1.500	0	375
5	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn	350	0	88
6	Công tác giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	150	16	38

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn 2020	Giải ngân đến thời điểm báo cáo	Dự kiến giải ngân đến 30/6/2020
7	Nâng cao chất lượng thực hiện chu trình trong Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020	300	0	75
8	Duy tu bảo dưỡng	2.250	0	563
	QĐ số 484/QĐ-UBND ngày 21/02/2020	***715***	***0***	***179***
9	Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất	715	0	179

Biểu 3

KẾT QUẢ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI

TT	MỤC TIÊU	Kế hoạch 2020	Thực hiện 6 tháng 2020	Dự kiến đạt cuối năm 2020
1	**Mức đạt tiêu chí bình quân/xã**	**14,21**	**11,84**	**14,21**
2	**Mức đạt tiêu chí bình quân/xã nghèo, đặc biệt khó khăn**	**12,50**	**9,29**	**12,50**
3	**Kết quả đạt chuẩn tiêu chí theo xã**			
	Số xã đạt chuẩn (19 tiêu chí) đã có QĐ công nhận	**6**	**5**	**6**
	Số xã đạt 18 tiêu chí	0	0	0
	Số xã đạt 17 tiêu chí	0	0	0
	Số xã đạt 16 tiêu chí	0	0	0
	Số xã đạt 15 tiêu chí	2	0	2
	Số xã đạt 14 tiêu chí	1	0	1
	Số xã đạt 13 tiêu chí	0	1	0
	Số xã đạt 12 tiêu chí	4	0	4
	Số xã đạt 11 tiêu chí	4	1	4
	Số xã đạt 10 tiêu chí	2	2	2
	Số xã đạt 09 tiêu chí	0	6	0
	Số xã đạt 08 tiêu chí	0	4	0
	Số xã đạt 07 tiêu chí	0	0	0
	Số xã đạt 06 tiêu chí	0	0	0
	Số xã đạt 05 tiêu chí	0	0	0
	Số xã đạt 04 tiêu chí	0	0	0
	Số xã đạt 01 tiêu chí			
3	**Kết quả đạt chuẩn theo từng tiêu chí**			
	Số xã đạt tiêu chí số 1 về quy hoạch	19	19	19
	Số xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông	11	7	11
	Số xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi	19	18	19
	Số xã đạt tiêu chí số 4 về điện	19	19	19

TT	MỤC TIÊU	Kế hoạch 2020	Thực hiện 6 tháng 2020	Dự kiến đạt cuối năm 2020
	Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học	9	5	9
	Số xã đạt tiêu chí số 6 CSVC văn hóa	12	5	12
	Số xã đạt tiêu chí số 7 về CSHTTMNT	19	19	19
	Số xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và TT	15	8	15
	Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư	8	7	8
	Số xã đạt tiêu chí số 10 thu nhập	6	5	6
	Số xã đạt tiêu chí số 11 hộ nghèo	6	5	6
	Số xã đạt tiêu chí số 12 Lao động có việc làm	19	17	19
	Số xã đạt tiêu chí số 13 TCSX	9	7	9
	Số xã đạt tiêu chí số 14 GD - ĐT	12	7	12
	Số xã đạt tiêu chí số 15 Y tế	19	19	19
	Số xã đạt tiêu chí số 16 Văn hóa	19	19	19
	Số xã đạt tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm	11	5	11
	Số xã đạt tiêu chí số 18 HTCT và TCPL	19	16	19
	Số xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng và an ninh	19	18	19
	Tổng	**270**	**225**	**270**

Biểu 4

HIỆN TRẠNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

TT	Xã	19 tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới																		Đạt đến tháng 6/2020	Dự kiến năm 2020
		Quy hoạch	Giao thông	Thuỷ Lợi	Điện	Trường học	CSVC chất văn hóa	CSHT TM NT	TT và TT	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	LĐ có việc làm	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn Hoá	Môi trường và ATTP	HTCT và TCPL	Quốc phòng và An Ninh		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
1	XÃ HƯỚNG LẬP	x		x	x			x								x	x		x	x	8	11
2	XÃ HƯỚNG VIỆT	x	x	x	x			x					x			x	x			x	9	12
3	XÃ HƯỚNG PHÙNG	x		x	x			x	x	x			x	x	x	x	x		x	x	13	19
4	XÃ HƯỚNG LINH	x		x	x			x								x	x		x	x	8	11
5	XÃ HƯỚNG SƠN	x		x	x			x					x			x	x			x	8	11
6	XÃ HƯỚNG TÂN	x		x	x			x					x	x		x	x		x	x	10	10
7	XÃ TÂN HỢP	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	19
8	XÃ HÚC	x			x			x					x			x	x		x	x	8	10
9	XÃ TÂN LIÊN	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	19
10	XÃ TÂN LẬP	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	19
11	XÃ TÂN LONG	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	19
12	XÃ TÂN THÀNH	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	19	19
13	THUẬN	x	x	x	x			x	x	x			x		x	x	x				11	15
14	HƯỚNG LỘC	x		x	x			x					x			x	x		x	x	9	12
15	THANH	x		x	x			x					x			x	x		x	x	9	12
16	XY	x		x	x			x	x				x			x	x		x	x	10	11
17	A DƠI	x		x	x			x					x			x	x		x	x	9	15
18	BA TÀNG	x		x	x			x					x			x	x		x	x	9	12
19	LÌA	x		x	x			x					x			x	x		x	x	9	14
Tổng		19	7	18	19	5	5	19	8	7	5	5	17	7	7	19	19	5	16	18	225	270

Biểu 5

HIỆN TRẠNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

TT	Xã	12 tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu												6 tháng 2020	Dự kiến đạt đến cuối năm 2020
		Giao thông	Điện	Trường học	Thu nhập	Hộ nghèo	Tổ chức sản xuất	Giáo dục	Y tế	Văn hóa	Môi trường	Thông tin và truyền thông	An ninh trật tự, hành chính công		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12		
1	Tân Hợp	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	11	12
Tổng															

Biểu 6

BẢNG TỔNG HỢP TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CỦA CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN THEO ĐỀ ÁN 1385

Stt	Tên thôn	1.Giao thông	2. Thủy lợi	3. Điện	4. CSVC Văn hóa	5.Thông tin và truyền thông	6. Nhà ở dân cư	7. Thu nhập	8. Hộ nghèo	9. Lao động việc làm	10. Tổ chức sản xuất	11. Giáo dục	12. Y tế	13.Văn hóa	14.Môi trường	15. Hệ thống chính trị	16.An ninh trật tự	17. Chỉ đạo xây dựng NTM	Kết quả tiêu chí đạt	Chỉ tiêu đạt
I. Xã Hướng Lập																				
1	A Xóc - Cha Lỳ			X	X					X				X		X	X	X	7	26
2	Cựp - Cuôi			X						X				X		X	X	X	6	25
3	Sê Pu - Tà Păng		X	X	X					X				X		X	X	X	8	28
4	Tri		X	X						X			X	X		X	X	X	8	30
5	Cù Bai		X	X	X					X			X	X		X	X	X	9	31
II. Xã Hướng Phùng																				
1	Hướng Hải		X			X			X	X	X	X	X	X		X	X	X	11	32
2	Cổ Nhồi		X	X		X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	13	35
3	Phùng Lâm		X	X		X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	13	33
4	Xa Ry		X	X		X				X	X	X	X	X		X	X	X	11	33
5	Đại Độ		X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	14	36
6	Mã Lai Pun		X			X				X	X		X	X		X	X	X	9	25
7	Bụt Việt		X	X		X				X	X		X	X		X	X	X	10	31
8	Cheng		X	X	X		X			X				X		X	X	X	9	27
9	Chênh Vênh		X	X		X				X				X		X	X	X	8	31
10	Hướng Choa		X	X		X				X		X				X	X	X	8	33
11	Cợp		X	X	X	X				X	X	X	X	X		X	X	X	12	31
12	Doa Cũ		X	X		X				X	X	X	X	X		X	X	X	11	31
13	Hướng Phú		X	X			X		X	X	X	X	X	X		X	X	X	12	35
III. Xã Ba Tầng																				
1	Ba Lòng		X	X	X					X				X		X	X	X	8	23
2	Ba Tầng		X	X						X				X		X	X	X	7	23
3	Loa		X	X						X				X		X	X	X	7	22
4	Măng Sông		X	X	X					X				X		X	X	X	8	24

Stt	Tên thôn	1.Giao thông	2. Thủy lợi	3. Điện	4. CSVC Văn hóa	5.Thông tin và truyền thông	6. Nhà ở dân cư	7. Thu nhập	8. Hộ nghèo	9. Lao động việc làm	10. Tổ chức sản xuất	11. Giáo dục	12. Y tế	13.Văn hóa	14.Môi trường	15. Hệ thống chính trị	16.An ninh trật tự	17. Chỉ đạo xây dựng NTM	Kết quả tiêu chí đạt	Chỉ tiêu đạt
5	Vầng		X	X	X					X				X		X	X	X	**8**	**23**
6	Hùn		X	X	X					X				X		X	X	X	**8**	**22**
7	Trùm		X	X	X					X				X		X	X	X	**8**	23
IV. Xã A Dơi																			**0**	
1	A Dơi Cô			X	X		X			X				X		X	X	X	**8**	**26**
2	A Dơi Đớ			X	X					X				X		X	X	X	**7**	**26**
3	Prin Thành			X	X		X			X				X		X	X	X	**8**	**26**
4	Xa Doan			X	X		X			X				X		X	X	X	**8**	**26**
5	Đồng Tâm		X	X	X		X			X			X	X		X	X	X	**10**	**28**
6	Proi Xy			X	X					X				X		X	X	X	**7**	**26**
V. Xã Thanh																			**0**	
1	Ba Viêng	X	X	X	X							X	X	X		X	X	X	**10**	**29**
2	Thanh 1		X	X	X					X		X	X	X		X	X	X	**10**	**27**
3	A Ho		X	X	X		X			X		X	X	X		X	X	X	**11**	**30**
4	Bản 10		X	X	X					X			X	X		X	X	X	**9**	**27**
5	Mới		X	X	X								X	X		X	X	X	**8**	**23**
6	Thanh Ô		X	X	X								X	X		X	X	X	**8**	**23**
Tổng cộng		**1**	**30**	**35**	**23**	**11**	**10**	**0**	**5**	**34**	**10**	**12**	**19**	**36**	**0**	**37**	**37**	**37**	**337**	**37**